

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2020/DS-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Ông Nguyễn Xuân Soan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Nguyễn Thị Minh K, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Hàng Tố N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tòa nhà ACB, đường Cách Mạng Tháng T, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Văn bản ủy quyền số 53 ngày 18/02/2020.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Đường Thống N, Phường D, quận G V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Hàng Tố N trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A cấp tín dụng cho ông Nguyễn Xuân T theo hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.542.081117, số tài khoản vay là 249522559 ngày 08/11/2017, số tiền vay 95.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay UIL – tiêu dùng tín chấp – hỗ trợ tiêu dùng – mua vật dụng gia đình, phương thức cho vay từng lần, lãi suất trong hạn 12%/năm tính theo dư nợ ban đầu và 23,61%/năm tính theo dư nợ cho vay thực tế, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Xuân T đã nhận đủ số tiền vay (số tiền vay được chuyển vào tài khoản tiền gửi thanh toán của ông Nguyễn Xuân T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A). Ông Nguyễn Xuân T đã thanh toán được 04 kỳ, với số tiền 10.132.000 đồng, gồm 6.332.000 đồng vốn gốc, 3.800.000 đồng lãi trong hạn.

Ông Nguyễn Xuân T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 04/12/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần A ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán. Ngày 19/12/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần A chuyển toàn bộ nợ vay sang nợ quá hạn.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu Nguyễn Xuân T phải thanh toán số tiền nợ là 136.873.305 đồng, trong đó nợ gốc 88.668.000 đồng, nợ lãi trong hạn 20.298.333 đồng, nợ lãi quá hạn 27.906.972 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi ông Nguyễn Xuân T trả hết nợ. Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2020 nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi là 2.022.849 đồng, tuy nhiên nguyên đơn rút yêu cầu này, không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đối với bị đơn là ông Nguyễn Xuân T nhưng ông Nguyễn Xuân T đều vắng mặt, không có lý do.

Do ông Nguyễn Xuân T vắng mặt nên vụ án không tiến hành hoà giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là bà Trần Hàng Tố N yêu cầu ông Nguyễn Xuân T phải thanh toán số tiền nợ là 136.873.305 đồng tính đến ngày 29/9/2020 và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi trả hết

nợ. Nguyên đơn rút yêu cầu, không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi. Bị đơn ông Nguyễn Xuân T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện ông Nguyễn Xuân T, địa chỉ số 399/7 đường Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu ông Nguyễn Xuân T phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Xuân T theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Xuân T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do ông Nguyễn Xuân T không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông Nguyễn Xuân T, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Thương mại cổ phần A cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.542.081117, số tài khoản vay là 249522559 ngày 08/11/2017, cùng lời trình bày của người đại

diện hợp pháp của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 95.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay UIL – tiêu dùng tín chấp – hỗ trợ tiêu dùng – mua vật dụng gia đình, phương thức cho vay từng lần, lãi suất trong hạn 12%/năm tính theo dư nợ ban đầu và 23,61%/năm tính theo dư nợ cho vay thực tế, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Xuân T đã thanh toán được 10.132.000 đồng, gồm 6.332.000 đồng vốn gốc, 3.800.000 đồng lãi trong hạn. Do ông Nguyễn Xuân T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng, ngày 19/12/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần A chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2020, ông Nguyễn Xuân T còn nợ số tiền 136.873.305 đồng, trong đó nợ gốc 88.668.000 đồng, nợ lãi trong hạn 20.298.333 đồng, nợ lãi quá hạn 27.906.972 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi 2.022.849 đồng.

Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Xuân T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân T thanh toán khoản tiền nợ 136.873.305 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số nợ 136.873.305 đồng, trong đó nợ gốc 88.668.000 đồng, nợ lãi 48.205.305 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi 2.022.849 đồng là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Nguyên đơn yêu cầu, kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 08/11/2017 là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $5\% \times 136.873.305\text{đ} = 6.843.665\text{ đồng}$.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6;

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A:

Ông Nguyễn Xuân T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 136.873.305 đồng, trong đó nợ gốc 88.668.000 đồng, nợ lãi 48.205.305 đồng.

Kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 08/11/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.977.718 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0025827 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Xuân T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.843.665 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc